

Số: 928 /TB-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Về trả lại tiền BHYT cho sinh viên Đại học chính quy K10, K11, K12 năm 2026

Thực hiện chủ trương của nhà trường về trả lại tiền Bảo hiểm y tế cho sinh viên Đại học chính quy K10, K11, K12.

1. Sau khi nhà trường kiểm tra rà soát BHYT sinh viên K10, K11, K12 đã có thẻ BHYT ở mức cao hơn và một số sinh viên có BHYT còn thời hạn đến 31/12/2026. Nhà trường thông báo tới sinh viên được chi trả tiền thừa BHYT có danh sách tài khoản kèm theo thông báo này.

- Hình thức chi trả: Chuyển khoản

- Sinh viên kiểm tra tài khoản được nhà trường cấp theo thẻ sinh viên, sinh viên nào chưa kích hoạt tài khoản đề nghị ra ngân hàng kích hoạt để nhận tiền chuyển khoản. Sinh viên cần giải đáp liên hệ về phòng Tài chính kế toán Cô: Lê Thị Nga (SĐT: 0982 762 825).

2. Phòng Công tác sinh viên, Cố vấn học tập, ban cán sự các lớp thông báo cho sinh viên lớp mình biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như mục 2
- Ban Giám hiệu
- Công TTĐT
- Lưu: VT, TCKT.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PTP.TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Ths.Phạm Văn Hưng

Phụ lục

**DANH SÁCH TRẢ LẠI TIỀN BẢO HIỂM Y TẾ CHO SINH VIÊN
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K10, K11, K12 NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số 928 /TB-ĐHTCQTKD ngày 16 tháng 12 năm 2025
của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Tài khoản SV	Ghi chú
1	Chữ Thị Quỳnh Mai	11/11/2004	CT10A	315.900	2405220125921	NH NN & PTNT Văn Lâm
2	Đào Duy Nam	15/03/2004	CT10A	315.900	2405220125786	NH NN & PTNT Văn Lâm
3	Đặng Thị Thu Hà	28/09/2004	KD10A	315.900	2405220125626	NH NN & PTNT Văn Lâm
4	Trần Thị Thanh Huyền	29/09/2003	KD10A	315.900	2405220127752	NH NN & PTNT Văn Lâm
5	Đào Diễm Tâm	23/10/2004	KD10A	315.900	2405220126743	NH NN & PTNT Văn Lâm
6	Vũ Thị Thanh Thư	30/10/2004	KD10A	315.900	2405220126381	NH NN & PTNT Văn Lâm
7	Vũ Thu Thủy	23/07/2004	KD10A	315.900	2405220131057	NH NN & PTNT Văn Lâm
8	Nguyễn Thị Thu Trang	29/12/2002	KD10A	315.900	0977522044	NH MB Bank, CN Như Quỳnh
9	Nguyễn Phương Anh	18/09/2004	KD10B	315.900	2405220125599	NH NN & PTNT Văn Lâm
10	Trần Vũ Lan Hương	25/01/2004	KD10B	315.900	2405220127122	NH NN & PTNT Văn Lâm
11	Nguyễn Nhật Linh	08/12/2003	KD10B	315.900	2405220125967	NH NN & PTNT Văn Lâm
12	Nguyễn Quỳnh Ngọc Trân	17/12/2004	KD10B	315.900	2405220127020	NH NN & PTNT Văn Lâm
13	Nguyễn Thị Phương Anh	17/12/2004	KD10C	315.900	2405220126612	NH NN & PTNT Văn Lâm
14	Đỗ Hải Anh	15/12/2004	KD10D	315.900	2405220126845	NH NN & PTNT Văn Lâm
15	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	17/10/2004	KD10D	315.900	2405220126924	NH NN & PTNT Văn Lâm
16	Đỗ Quang Huy	18/12/2002	KD10D	315.900	2405220131159	NH NN & PTNT Văn Lâm
17	Trịnh Thùy Linh	17/04/2004	KD10D	315.900	2405220127848	NH NN & PTNT Văn Lâm
18	Nguyễn Việt Anh	14/04/2003	KD10E	315.900	2405220128335	NH NN & PTNT Văn Lâm
19	Đào Thanh Thảo	29/01/2004	KD10G	315.900	2405220129157	NH NN & PTNT Văn Lâm
20	Nguyễn Thùy Trang	29/02/2004	KD10G	315.900	2405220129236	NH NN & PTNT Văn Lâm
21	Trần Thị Huệ	26/03/2004	KD10H	315.900	2405220130212	NH NN & PTNT Văn Lâm
22	Bùi Thị Nhung	09/09/2004	KD10H	315.900	2405220129945	NH NN & PTNT Văn Lâm
23	Nguyễn Thị Phương	20/04/2004	KD10H	315.900	2405220130077	NH NN & PTNT Văn Lâm
24	Trương Thu Phương	25/10/2004	KD10H	315.900	2405220129850	NH NN & PTNT Văn Lâm
25	Phạm Thị Phương Thảo	11/03/2004	KD10H	315.900	2405220130229	NH NN & PTNT Văn Lâm
26	Nguyễn Công Hiếu	23/08/2004	QL10A	315.900	2405220130395	NH NN & PTNT Văn Lâm
27	Phạm Thị Thùy Trang	28/09/2004	QL10A	315.900	2405220130501	NH NN & PTNT Văn Lâm
28	Phạm Thị Thuý Hiền	25/12/2004	TM10A	315.900	2405220130661	NH NN & PTNT Văn Lâm
29	Hồ Lê Phương Thảo	23/10/2004	TM10A	315.900	2405220130996	NH NN & PTNT Văn Lâm
30	Trần Ngọc Hà	10/04/2004	NH10A	315.900	108877622917	NH Vietinbank, CN Bắc HY
31	Mai Trung Hoàng	26/01/2004	NH10A	315.900	101877622953	NH Vietinbank, CN Bắc HY
32	Lê Thị Linh	15/01/2004	QM10A	315.900	101877622978	NH Vietinbank, CN Bắc HY
33	Nguyễn Phương Thảo	29/11/2004	QM10A	315.900	102877622991	NH Vietinbank, CN Bắc HY

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Tài khoản SV	Ghi chú
34	Phan Thị Thanh Huyền	10/11/2004	QM10B	315.900	100877623040	NH Vietinbank, CN Bắc HY
35	Nguyễn Thùy Linh	01/10/2004	QM10B	315.900	106877623044	NH Vietinbank, CN Bắc HY
36	Nguyễn Phương Anh	30/09/2004	QT10A	315.900	105877623084	NH Vietinbank, CN Bắc HY
37	Nguyễn Thùy Linh	11/10/2003	QT10A	315.900	100877623077	NH Viettin bank, CN Văn Lâm
38	Đào Thị Ngân	26/12/2004	QT10A	315.900	106877623101	NH Vietinbank, CN Bắc HY
39	Nguyễn Thị Chà Vi	11/02/2004	QT10A	315.900	108877622725	NH Vietinbank, CN Bắc HY
40	Nguyễn Phương Anh	25/12/2004	TC10A	315.900	104877622838	NH Vietinbank, CN Bắc HY
41	Phạm Duy Khiêm	26/04/2004	TC10A	315.900	109877622806	NH Vietinbank, CN Bắc HY
42	Nguyễn Thị Tường An	10/03/2004	TC10B	315.900	101877622871	NH Vietinbank, CN Bắc HY
43	Đặng Hà Đông	01/12/2004	TC10B	315.900	101877622883	NH Vietinbank, CN Bắc HY
44	Lê Xuân Hòa	09/08/2004	TC10B	315.900	105877622889	NH Vietinbank, CN Bắc HY
45	Lê Thị Kiều Trang	16/01/2003	TC10B	315.900	991601039999	NH MB Bank
46	Nguyễn Thị Hiền	08/11/2005	KD11A	631.800	2405220137500	NH NN & PTNT Văn Lâm
47	Đặng Ngọc Duy	11/11/2004	KD11D	631.800	2405220133892	NH NN & PTNT Văn Lâm
48	Nguyễn Hoài Thương	28/07/2005	KD11D	631.800	2405220133437	NH NN & PTNT Văn Lâm
49	Vương Thị Diệu Ly	11/12/2005	KD11E	631.800	102880374388	NH Vietinbank, CN Bắc HY
50	Lại Quảng Đông	04/08/2005	KD11G	631.800	2405220134900	NH NN & PTNT Văn Lâm
51	Phạm Thị Ngọc Lan	04/05/2005	KD11G	631.800	2405220136429	NH NN & PTNT Văn Lâm
52	Lưu Thùy Linh	02/01/2005	KD11G	631.800	2405220135301	NH NN & PTNT Văn Lâm
53	Bùi Thái Dương	05/12/2005	NH11A	631.800	107880382308	NH Vietinbank, CN Bắc HY
54	Lê Mai Lan	20/09/2005	QM11A	631.800	105880374319	NH Vietinbank, CN Bắc HY
55	Ngô Thị Ngọc Nga	09/01/2005	QM11A	631.800	108880374328	NH Vietinbank, CN Bắc HY
56	Nguyễn Thị Thanh Trà	01/09/2005	QM11A	631.800	100880374341	NH Vietinbank, CN Bắc HY
57	Đoàn Thị Mỹ Duyên	24/03/2005	QT11A	631.800	103880374375	NH Vietinbank, CN Bắc HY
58	Chu Phương Anh	28/01/2003	QT11B	631.800	29928012003	NH TPBank
59	Bùi Thị Ngọc Anh	30/11/2005	QT11B	631.800	102880374420	NH Vietinbank, CN Bắc HY
60	Khuất Duy Cường	01/01/2005	QT11B	631.800	102880374469	NH Vietinbank, CN Bắc HY
61	Nguyễn Phương Duy	05/12/2005	TC11A	631.800	106880374508	NH Vietinbank, CN Bắc HY
62	Đinh Trọng Hiệp	11/02/2004	QL11A	631.800	2405220131766	NH NN & PTNT Văn Lâm
63	Nguyễn An Túc Linh	26/04/2004	TM11A	631.800	2405220132168	NH NN & PTNT Văn Lâm
64	Hoàng Thị Minh Anh	04/04/2005	KA11A	631.800	2405220137211	NH NN & PTNT Văn Lâm
65	Vũ Thị Thu Hiền	06/06/2005	KA11A	631.800	2405220137103	NH NN & PTNT Văn Lâm
66	Bùi Thị Phương Thùy	15/10/2005	KA11A	631.800	2405220137178	NH NN & PTNT Văn Lâm
67	Lê Đăng Định	01/07/2005	CT12A	631.800	101883124844	NH Vietinbank, CN Bắc HY
68	Võ Thị Huệ	18/04/2005	CT12A	631.800	106883124851	NH Vietinbank, CN Bắc HY
69	Đinh Hoàng Phong	17/09/2006	CT12A	631.800	106883124863	NH Vietinbank, CN Bắc HY
70	Trần Diệu Anh	03/10/2006	KD12A	631.800	106883125620	NH Vietinbank, CN Bắc HY
71	Trần Thị Toán	28/03/2000	KD12B	631.800	100883111273	NH Vietinbank, CN Bắc HY
72	Nguyễn Quỳnh Trang	30/06/2006	KD12B	631.800	106883107580	NH Vietinbank, CN Bắc HY

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Tài khoản SV	Ghi chú
73	Phạm Ngọc Anh	28/07/2005	KD12C	631.800	0365326553	NH MB Bank, CN Hưng Yên
74	Lò Thị Hương	08/11/2005	KD12C	631.800	104883112278	NH Vietinbank, CN Bắc HY
75	Nguyễn Mai Trang	06/06/2006	KD12C	631.800	108883112304	NH Vietinbank, CN Bắc HY
76	Nguyễn Thị Hải Yến	23/07/2006	KD12C	631.800	104883112311	NH Vietinbank, CN Bắc HY
77	Nguyễn Ngọc Ánh	08/04/2006	KD12E	631.800	102883135692	NH Vietinbank, CN Bắc HY
78	Lục Thúy Hạnh	24/11/2006	KD12E	631.800	105883135704	NH Vietinbank, CN Bắc HY
79	Nguyễn Thị Hồng	06/02/2006	KD12E	631.800	102883135707	NH Vietinbank, CN Bắc HY
80	Hoàng Thị Khuê	13/01/2005	KD12E	631.800	101883135711	NH Vietinbank, CN Bắc HY
81	Đặng Trung Kiên	23/09/2006	KD12G	631.800	104883136059	NH Vietinbank, CN Bắc HY
82	Bùi Thị Ngọc Lan	30/04/2006	KD12G	631.800	103883136062	NH Vietinbank, CN Bắc HY
83	Mã Đình Nghiêm	11/04/2006	KD12G	631.800	107876992187	NH Vietinbank, CN Bắc HY
84	Đặng Kiên Trung	23/09/2006	KD12G	631.800	104883136086	NH Vietinbank, CN Bắc HY
85	Lê Huy Nam	10/02/2006	NH12A	631.800	107883138328	NH Vietinbank, CN Bắc HY
86	Lê Gia Bảo	22/10/2006	NH12B	631.800	104883136801	NH Vietinbank, CN Bắc HY
87	Nguyễn Trà My	10/01/2006	NH12B	631.800	104883136826	NH Vietinbank, CN Bắc HY
88	Ngô Thị Kiều Trang	21/03/2006	QM12A	631.800	101883136614	NH Vietinbank, CN Bắc HY
89	Đặng Thị Trinh	29/01/2006	QM12A	631.800	100883136615	NH Vietinbank, CN Bắc HY
90	Nguyễn Trâm Anh	09/02/2006	QM12B	631.800	101883155825	NH Vietinbank, CN Bắc HY
91	Triệu Biên Cương	27/05/2006	QT12A	631.800	107883153943	NH Vietinbank, CN Bắc HY
92	Võ Hồng Phúc	24/09/2006	QT12A	631.800	102883104765	NH Vietinbank, CN Bắc HY
93	Nguyễn Trung Hiếu	25/07/1999	QT12C	631.800	104883117188	NH Vietinbank, CN Bắc HY
94	La Thị Thu Dung	23/07/2006	TC12A	631.800	101883133574	NH Vietinbank, CN Bắc HY
95	Vũ Thị Thu Hà	27/07/2006	TC12A	631.800	106883133581	NH Vietinbank, CN Bắc HY
96	Đỗ Hà Trinh	04/11/2006	TC12A	631.800	108883133622	NH Vietinbank, CN Bắc HY
97	Lêng Thái Nguyên	25/10/2006	KA12A	631.800	102883112637	NH Vietinbank, CN Bắc HY
98	Bùi Minh Đức	22/05/2006	KC12A	631.800	107883112657	NH Vietinbank, CN Bắc HY
99	Trương Hà Anh	28/12/2006	TM12A	631.800	109883104729	NH Vietinbank, CN Bắc HY
100	Lê Phương Thảo	25/09/2006	TM12A	631.800	100883104767	NH Vietinbank, CN Bắc HY
	Tổng			48.964.500		